

Số: 45/NQ-HĐND

Mai Sơn, ngày 16 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Mai Sơn năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN KHOÁ XXI, KỶ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 05/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

Xét Tờ trình số 409/TTr-UBND ngày 06/12/2024 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra số 102/BC-KTXH ngày 10/12/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và thảo luận tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Mai Sơn năm 2025 với các nội dung sau:

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu

1.1. Mục tiêu

Phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã đề ra. Thực hiện đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao nội lực, tính tự lực, tự chủ, khả năng chống chịu và thích ứng của các thành phần kinh tế; thúc đẩy xây dựng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy nhanh chuyển đổi số, thúc đẩy các ứng dụng số, nền tảng số trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Quản lý chặt chẽ tài nguyên, sử dụng đất, bảo vệ môi trường, chủ động các biện pháp phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thủ tục

hành chính thực chất, hiệu quả hơn nữa; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, rào cản cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quyết liệt phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Củng cố quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2025: Gồm 18 chỉ tiêu (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Tiếp tục triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển; tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

2.2. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2.3. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, sản phẩm

2.4. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội.

2.5. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

2.6. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.7. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.8. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2.9. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế.

2.10. Tăng cường năng lực điều hành, tổ chức thực hiện.

(Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt theo quy định và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện, các Tổ đại biểu HĐND huyện và các vị Đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. HĐND huyện kêu gọi nhân dân các dân tộc, chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, huy động mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khoá XXI, Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Thường trực huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể của huyện;
- Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Cường

Phụ lục I

CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 45NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2023	Năm 2024			Kế hoạch năm 2025	So sánh		Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện đến 20/11	Ước TH cả năm		Ước TH 2024/TH 2023 (%)	KH năm 2025/ƯTH 2024 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ									
1	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	132,06	180,30	121,59	133,12	159,50	100,80	119,82	
2	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	2.700,00	2.900,00	2.900,00	2.900,00	3.100,00	107,41	106,90	
3	Tỷ lệ đô thị hóa	%	13,60	14,00	13,80	14,00	14,50	102,94	103,57	
4	Số hợp tác xã được thành lập mới	Hợp tác xã	30,00	10,00	7,00	9,00	6,00	30,00	66,67	
5	Diện tích cây ăn quả các loại; sản xuất ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, cây dược liệu; tổng đàn gia súc, gia cầm các loại; diện tích nuôi trồng thủy sản.									
	- Diện tích cây ăn quả các loại	Ha	11.200,00	11.500,00	11.500,00	11.500,00	11.500,00	102,68	100,00	
	TEĐ: + Diện tích nông nghiệp sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao	Ha	4.201,00	5.000,00	5.000,00	5.400,00	5.500,00	128,54	101,85	
	+ Diện tích nông nghiệp sản xuất theo hướng hữu cơ	Ha	1.800,00	2.500,00	2.500,00	2.700,00	2.800,00	150,00	103,70	
	- Diện tích cây dược liệu dưới tán rừng	Ha	25,00	30,00	60,00	60,00	60,00	240,00	100,00	
	- Tổng đàn gia súc, gia cầm các loại	Triệu con	1,58	1,53	1,58	1,58	1,64	99,99	104,16	
	Trong đó: Tổng đàn đại gia súc (trâu, bò)	Nghìn con	44,70	45,30	45,16	45,31	45,31	101,36	100,01	
	- Diện tích nuôi trồng thủy sản.	Ha	355,00	355,00	355,00	355,00	355,00	100,00	100,00	
II	CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI									
1	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia	%	66,67	69,84	69,84	71,42	76,19	107,13	106,68	
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế; bác sĩ/10.000 dân; giường bệnh/10.000 dân									
	- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	91,00	93,00	90,00	93,00	95,00	102,20	102,15	
	- Bác sĩ/10.000 dân	Bác sĩ	6,92	6,92	6,92	6,92	8,20	100,00	118,50	
	- Giường bệnh/10.000 dân	Giường bệnh	22,90	22,90	24,80	24,80	28,10	108,30	113,31	
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo, chuyển giao, hướng nghiệp dạy nghề; Tỷ lệ lao động được cấp bằng, chứng chỉ; Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt trên lực lượng lao động									
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo, chuyển giao, hướng nghiệp dạy nghề	%	58,70	59,00	59,00	59,00	60,00	100,51	101,69	
	- Tỷ lệ lao động được cấp bằng, chứng chỉ	%	25,00	26,00	26,00	26,00	27,00	104,00	103,85	
	- Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt trên lực lượng lao động	%	18,27	18,58	19,04	19,34	18,88	105,86	97,62	
	- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%	73,56	73,35	73,35	73,35	73,00	99,71	99,52	
4	Nông thôn mới	Xã								
	- Thêm 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Lũy kế 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới)	Xã	9,00	10,00	9,00	10,00	11,0	111,11	110,00	
	- Thêm 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (lũy kế có 3 xã)	Xã	1,00	2,00	1,00	2,00	3,00	200,00	150,00	
	- Có thêm 5 thôn, bản, tiểu khu đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế có 46 xã)	Bản/tiểu khu	21,00	31,00	33,00	41,00	46,00	195,24	112,20	
	+ Trong đó: Có 2 thôn, bản, tiểu khu đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (lũy kế có 19 xã)	Bản/tiểu khu	8,00	16,00	13,00	17,00	19,00	212,50	111,76	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2023	Năm 2024			Kế hoạch năm 2025	So sánh		Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện đến 20/11	Ước TH cả năm		Ước TH 2024/TH 2023 (%)	KH năm 2025/U' TH 2024 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân	%	2,10	2,00	Đánh giá cuối năm	2,00	2,00	95,24	100,00	
	- Phần đầu xóa nhà tạm, nhà dột nát	Nhà	220,00	200,00	215,00	295,00	Hoàn thành xóa nhà tạm cho các hộ nghèo đủ điều kiện về đất ở	134,09		
	- Các xã vùng III giảm bình quân	%	4,0-5,0	4,0-5,0		4,0-5,0				
6	Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa"	%	73,00	74,00	73,00	75,00	75,00	102,74	100,00	
7	Tỷ lệ người sử dụng Internet, số hộ nghe được Đài tiếng nói Việt Nam, xem được Đài truyền hình Việt Nam	%								
	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%	50,00	51,00	58,00	58,00	60,00	116,00	103,45	
	Tỷ lệ hộ nghe được Đài tiếng nói Việt Nam	%	100	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
	Tỷ lệ hộ xem được Đài truyền hình Việt Nam	%	100	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
8	Các xã, thị trấn; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự"									
	- Các xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự"	%	90,91	90,91	95,45	95,45	95,45	105,00	100,00	
	- Các cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự"	%	96,43	91,67	99,03	99,03	98,06	102,70	99,02	
9	Số lượt khách du lịch lượt người/năm; doanh thu từ hoạt động du lịch tỷ đồng/năm		-							
	- Số lượt khách du lịch	Lượt người/năm	16.000,00	15.000,00	31.000,00	31.000,00	17.000,00	193,75	54,84	
	- Doanh thu từ hoạt động du lịch	Tỷ đồng/năm	9,00	10,00	11,00	11,00	10,00	122,22	90,91	
10	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,05	99,05	99,05	99,53	99,62	100,48	100,09	
	Trong đó: Tỷ lệ hộ được sử dụng điện an toàn	%	95,60	98,15	98,15	98,15	99,01	102,67	100,88	
III	CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG		-							
1	Tỷ lệ hộ gia đình khu vực nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; tỷ lệ hộ gia đình khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch; Duy trì hộ gia đình khu vực đô thị được sử dụng nước sạch.		-							
	- Tỷ lệ hộ gia đình khu vực nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	98,00	99,00	99,00	99,00	100,00	101,02	101,01	
	- Tỷ lệ hộ gia đình khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch	%	43,50	47,00	47,00	47,00	50,00	108,05	106,38	
	- Duy trì tỷ lệ hộ gia đình khu vực đô thị được sử dụng nước sạch.	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
2	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom đạt; Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom; Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được xử lý sau thu gom.		-							
	- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	93,60	94,00	94,00	94,00	95,00	100,43	101,06	
	- Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom	%	77,80	80,00	80,00	80,00	82,00	102,83	102,50	
	- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được xử lý sau thu gom.	%	92,50	94,00	94,00	94,00	95,00	101,62	101,06	
3	Diện tích trồng rừng mới tập trung; khoanh nuôi tái sinh rừng; bảo vệ rừng; Tỷ lệ che phủ rừng.									

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2023	Năm 2024			Kế hoạch năm 2025	So sánh		Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện đến 20/11	Ước TH cả năm		Ước TH 2024/TH 2023 (%)	KH năm 2025/ƯTH 2024 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	- Diện tích trồng rừng mới tập trung	Ha	275,50	123,03	159,95	159,95	246,27	58,06	153,97	
	- Diện tích khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha	2.330,88	2.330,88	2.330,88	2.330,88	500,00	100,00	21,45	
	- Diện tích bảo vệ rừng	Ha	55.400,83	56.053,19	47.555,80	47.555,80	47.765,80	85,84	100,44	<p>Theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh với phê duyệt kế quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; DT Quy hoạch đất lâm nghiệp đến năm 2030 huyện Mai Sơn: 51.447,8 ha; DT rừng sau khi rà soát năm 2024: 47.555,8 ha.</p>
	- Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả diện tích cây ăn quả lâu năm trồng trên đất nông nghiệp).	%	42,05	42,05	42,05	42,05	42,05	100,00	100,00	<p>Trong đó tỷ lệ rừng có độ che phủ là 33,5% còn lại là diện tích trồng cây ăn quả thân gỗ trồng trên đất dốc, cây phân tán quy đổi ra diện tích rừng</p>

PHỤ LỤC 02

CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

1. Tiếp tục triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển; tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

1.1. Tiếp tục triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các Chương trình hành động của Chính phủ và của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kết luận của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết của Quốc hội; Kết luận số 176/TB-VPCP ngày 17/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX.

1.2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước để dẫn dắt chuyển đổi số, từng bước thực hiện chính quyền điện tử, cải thiện hình thức cung cấp dịch vụ công theo hướng trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, mọi lúc, mọi nơi. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chú trọng rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính không còn phù hợp, bảo đảm thực chất, hiệu quả để giảm thời gian thực hiện thủ tục và chi phí cho doanh nghiệp, người dân. Tập trung nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh.

1.3. Tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính; thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật đối với các cấp chính quyền và người dân, doanh nghiệp, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

1.4. Công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính đơn giản, dễ hiểu, dễ tra cứu, cập nhật thường xuyên đầy đủ thông tin đối với các quy trình thủ tục hành chính, các quy hoạch về sử dụng đất, quy hoạch ngành, quy hoạch chung xây dựng; các thông tin về ngân sách, mời thầu... để nhà đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp dễ tiếp cận và tìm hiểu cơ hội đầu tư, kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính để giảm thời gian thực hiện thủ tục và chi phí cho doanh nghiệp, người dân, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin, từng bước thực hiện

chính phủ điện tử cải tiến hình thức cung cấp dịch vụ công theo hướng trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, mọi lúc, mọi nơi.

2. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

2.1. Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách đảm bảo yêu cầu siết chặt kỷ cương, kỷ luật tài chính; chủ động sử dụng dự phòng, dự trữ và nguồn lực tại chỗ để chi phòng, chống dịch bệnh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định. Tăng cường quản lý, chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế; tích cực thu hồi nợ thuế, quản lý 100% người nộp thuế, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí phát sinh, không phát sinh nợ thuế mới. Thực hiện chính sách bồi dưỡng nguồn thu ổn định, bền vững; tăng cường khai thác nguồn thu mới. Thực hiện tốt công tác đánh giá, phân tích, dự báo những yếu tố ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, tập trung đánh giá, khai thác các nguồn thu tiềm năng, mở rộng cơ sở tính thuế, điều chỉnh phạm vi, đối tượng. Đẩy mạnh công tác quy hoạch sử dụng đất; công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giải quyết nhanh các thủ tục về bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch; định giá đất, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất; quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn lực đầu tư từ đất.

2.2. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của Nhà nước. Triển khai hiệu quả vốn đầu tư công năm 2025, có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, sớm khắc phục các tồn tại, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án quan trọng, các công trình trọng điểm của huyện.

2.3. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của cấp ủy, chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ các chương trình Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 và giai đoạn 2021-2025. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, đẩy mạnh tiến độ giải ngân các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó yêu cầu các chủ đầu tư có các giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện.

2.4. Đẩy mạnh huy động xã hội hóa đầu tư phát triển, nâng cao vai trò quản lý nhà nước, tạo điều kiện, khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp tham gia đầu tư; giải quyết dứt điểm các khó khăn vướng mắc trong triển khai các dự án thu hút đầu tư chậm tiến độ.

2.5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Tập trung triển khai thực hiện dự án đường 26/3 xã Cò Nòi đi tiểu khu 10 xã Hát Lót, trung tâm hành chính - Chính trị huyện, khu di tích lịch sử ngã ba Cò Nòi...; phối hợp triển khai công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng Cảng hàng không Nà Sản theo quy hoạch; khu Công nghiệp Mai Sơn; hoàn thành

các đồ án quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch xây dựng các xã. Tiếp tục đề xuất đầu tư các dự án phát triển đô thị trên địa bàn.

3. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, sản phẩm

3.1. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa lớn. Phát triển nền nông nghiệp thông minh, tuần hoàn, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ nông sản trong nước và ngoài nước. Phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn theo Kết luận số 703-KL/TU ngày 30/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3.2. Khai thác, phát huy tiềm năng, nâng cao giá trị gia tăng, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, mở rộng năng lực sản xuất nhất là các sản phẩm công nghiệp chế biến sâu, gắn với xây dựng thương hiệu tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ và đẩy mạnh xuất khẩu. Chú trọng tập trung cho phát triển công nghiệp chế biến nông sản theo Nghị quyết 06/NQ-TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, gắn với khai thác tiềm năng các vùng nguyên liệu, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp địa phương; hỗ trợ, tạo điều kiện để các chủ đầu tư khai thác hiệu quả công suất các nhà máy chế biến trên địa bàn.

3.3. Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, đa dạng hóa các loại hình xúc tiến thương mại, ứng dụng công nghệ số vào hoạt động xúc tiến thương mại như hội chợ trong môi trường thực tế ảo, hội nghị kết nối trực tuyến....

3.4. Tăng cường công tác phát triển và quảng bá du lịch huyện theo hướng trọng tâm, trọng điểm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiến tiến, thúc đẩy tăng trưởng khách du lịch cả về số lượng và chất lượng. Huy động, thu hút các nguồn lực tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật du lịch tại các xã: Phiêng Cầm, Mường Chanh, Mường Bon...

3.5. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn, chú trọng phát triển các hợp tác xã của bản, gắn với củng cố hệ thống chính trị cơ sở; củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của hợp tác xã hiện có, khuyến khích các hợp tác xã mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển số lượng thành viên, tăng cường huy động vốn để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh; tăng cường hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp có năng lực, đẩy mạnh khâu sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản sau thu hoạch.

4. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội

4.1. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế, tạo nền tảng vững chắc để phát triển hệ thống y tế công bằng, hiệu quả, chất lượng và bền vững, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân. Phân đấu mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và tinh thần thái độ phục vụ tại các cơ sở điều trị; đẩy mạnh việc triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển dân số bền vững, kiểm soát tốc độ tăng dân số, hạn chế mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số. Duy trì và mở rộng đối tượng dân số tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế toàn dân. Tập trung nguồn lực đầu tư để nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là y tế cơ sở.

4.2. Xây dựng và phát triển văn hóa toàn diện, bền vững, tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa các dân tộc; nâng cao chất lượng các hoạt động và văn hóa, thể thao; thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với thực hiện Chương trình xây dựng “Nông thôn mới”, phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, thể thao.

4.3. Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả, tạo sự đồng thuận xã hội, đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông hiện đại, an toàn có dung lượng lớn, tốc độ cao; cung cấp các dịch vụ viễn thông với chất lượng tốt, giá cước hợp lý trên cơ sở cạnh tranh nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người sử dụng dịch vụ. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Ban Thường vụ tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tập trung chuyển đổi số để tạo nền tảng, cơ sở cho hoàn thiện chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số, phát triển dịch vụ đô thị thông minh; tập trung cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

5. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1. Đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và hiệu quả đào tạo ở các cấp học; đẩy mạnh việc chuẩn hóa và hiện đại hóa các điều kiện dạy và học. Làm tốt công tác vận động học sinh ra lớp, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học; duy trì và nâng cao chất lượng thực hiện mô hình tổ chức nấu ăn tập trung tại các trường có học sinh bán trú theo chỉ đạo của tỉnh.

5.2. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công

nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu lao động. Đa dạng hoá các hình thức, các phương pháp dạy nghề phù hợp với đối tượng học nghề và nhu cầu của xã hội; phát triển mạnh các hình thức dạy nghề cho lao động nông thôn, ưu tiên đào tạo nhân lực cho các dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn bằng các hình thức phù hợp, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

6. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

6.1. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, đảm bảo quỹ đất cho đầu tư phát triển. Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trong công tác giao đất, cho thuê đất, bồi thường, hỗ trợ, giải pháp mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật lĩnh vực tài nguyên và môi trường đối với các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

6.2. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường đã được cấp, phê duyệt; tập trung vào các cơ sở tiềm ẩn nguy cơ gây ra các sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường. Nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn, trọng tâm là việc phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, nâng cao năng lực thu gom; vận hành hoạt động bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh.

6.3. Nâng cao năng lực cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu. Chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là ảnh hưởng bởi El Nino; có những giải pháp kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và cứu nạn, cứu hộ, sớm ổn định sản xuất và phát triển kinh tế của nhân dân và huyện. Nâng cao khả năng chống chịu; huy động nguồn lực đầu tư các công trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phòng, chống ngập úng đô thị.

7. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

7.1. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi đôi với xác định vị trí việc làm. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm sai phạm trong thực thi công vụ; tăng cường thực hiện văn hóa công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

7.2. Tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động thanh tra; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong hoạt động thanh tra, nhất là thực hiện nghiêm quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí một cách hiệu quả và không hình thức, trước hết là trong hệ thống hành chính nhà nước; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; chủ động xử lý có hiệu quả các vụ việc, vụ án phức tạp, tồn đọng kéo dài, dư luận xã hội quan tâm.

8. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Tiếp tục củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân gắn với quốc phòng toàn dân vững chắc. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Bảo vệ vững chắc an ninh đối ngoại, an ninh biên giới quốc gia, an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, các sự kiện chính trị, ngày lễ lớn, hội nghị... Triển khai các giải pháp đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, về ma túy, về kinh tế, chức vụ, tham nhũng, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện Đề án “*Chuyển hóa, xây dựng xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh không có ma túy giai đoạn 2023-2025, tầm nhìn đến năm 2030*”; Đề án 06 của Chính phủ phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự nhất là quản lý cư trú, quản lý người nước ngoài, phòng cháy chữa cháy, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, kiểm chế tai nạn giao thông.

9. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế

9.1. Tiếp tục tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, biên giới lãnh thổ. Tăng cường chỉ đạo công tác quản lý và bảo vệ biên giới, nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện sớm, từ xa mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống tội phạm ở vùng biên giới, đặc biệt chú trọng quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với huyện Xiêng Kho, tỉnh Hủa Phăn của nước CHDCND Lào.

9.2. Tăng cường quảng bá, giới thiệu tiềm năng lợi thế của huyện, vận động thu hút đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh của huyện, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tranh thủ tối đa các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nguồn lực khác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

10. Nhóm giải pháp tăng cường năng lực điều hành, tổ chức thực hiện

10.1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; nêu cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức khi thực thi nhiệm vụ nhất là vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

10.2. Duy trì công tác giao ban định kỳ qua đó kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong triển khai nhiệm vụ. Nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện, và chấp hành nguyên tắc qui chế hoạt động của UBND huyện.
